

Bản án số: 379/2025/HS-ST

Ngày: 23-7-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Nguyên Thanh

Bà Nguyễn Thị Viễn Thoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 và ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 519/2025/TLST-HS ngày 20/6/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3489/2025/QĐXXST-HS ngày 08/7/2025, đối với bị cáo:

Tạ Quan T, sinh ngày 17/11/1993 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: phường P, quận T (nay thuộc phường P), Thành phố Hồ Chí Minh; cư trú tại: phường P, quận T (nay thuộc phường P), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: T1 và bà: T2; vợ, con: không; tiền sự, tiền án: không; anh, chị, em: có 01 người em.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 26/11/2024.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Đ.T – Luật sư Công ty Luật TNHH Phạm Anh thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Bà A, sinh năm 1988; nơi cư trú: đường x, xã B, huyện B (nay thuộc xã B), Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2/ Ông L, sinh ngày 03/4/1988; Thường trú tại: Phường X, Quận Y (nay thuộc phường B), Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Ấp 4, xã N, M, tỉnh Long An (nay thuộc xã Long Can, tỉnh Tây Ninh). Vắng mặt.

3/ Ông L1, sinh năm 1966; nơi cư trú: phường P, quận T (nay thuộc phường P), Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

L và Tạ Quan T có mối quan hệ bạn bè quen biết nên khoảng cuối tháng 6/2021, L nói với Tạ Quan T cần vay tiền để cho khách hàng vay làm đảo hạn, Tạ Quan T và L thỏa thuận lãi suất 0,3%/ngày (09%/tháng và 108%/năm), thời hạn vay từ 05 ngày đến 10 ngày thì sẽ trả tiền lãi và tiền gốc, nếu không trả tiền gốc thì hai bên thỏa thuận với nhau tiếp tục đóng lãi suất. Do không có nguồn tiền cho L vay nên Tạ Quan T đã liên hệ với bà A hỏi vay số tiền 5.500.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 0,2%/ngày để Tạ Quan T hưởng chênh lệch từ số tiền này khi cho L vay (0,1%/ngày); đồng thời, Tạ Quan T đã yêu cầu bà A chuyển tiền trực tiếp vào tài khoản của L. Theo yêu cầu của Tạ Quan T, ngày 29/6/2021, bà A đã chuyển số tiền 3.000.000.000 đồng và ngày 01/7/2021, chuyển số tiền 2.500.000.000 đồng vào tài khoản số 19033103439015 của L, mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank). Sau khi bà A chuyển tiền, L xác nhận với Tạ Quan T đã nhận đủ tiền vay, lúc này Tạ Quan T làm 02 giấy xác nhận mượn tiền của bà A với tổng số tiền là 5.500.000.000 đồng.

Sau khi vay tiền của Tạ Quan T, L đã nhiều lần chuyển tiền đóng tiền lãi vào tài khoản của Tạ Quan T, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 12/7/2021, L chuyển tiền lãi khoản vay 3.000.000.000 đồng của ngày 29/6/2021 là $14 \text{ ngày} \times 0,3\%/\text{ngày} \times 3.000.000.000 \text{ đồng} = 126.000.000 \text{ đồng}$ và tiền lãi khoản vay 2.500.000.000 đồng của ngày 01/7/2021 là $12 \text{ ngày} \times 0,3\%/\text{ngày} \times 2.500.000.000 \text{ đồng} = 90.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi Tạ Quan T nhận từ L là 216.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền lãi từ L, Tạ Quan T chuyển khoản trả tiền lãi cho bà A số tiền 144.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 02/8/2021, L và Tạ Quan T thỏa thuận đóng tiền lãi 15 ngày $\times 0,3\%/\text{ngày} \times 5.500.000.000 \text{ đồng} = 247.500.000 \text{ đồng}$. L đã chuyển số tiền lãi 247.500.000 đồng vào tài khoản của Tạ Quan T. Sau khi nhận tiền lãi từ L, Tạ Quan T chuyển khoản đóng tiền lãi vay cho bà A số tiền 165.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi Tạ Quan T nhận 02 lần nêu trên là 463.500.000 đồng.

Sau khi chuyển tiền trả lãi lần thứ hai thì L và Tạ Quan T thỏa thuận do ảnh hưởng của dịch Covid bùng phát và phải thực hiện Chỉ thị 16 về việc giãn cách xã hội, nên L chỉ phải trả lãi suất cho Tạ Quan T còn 0,2%/ngày (06%/tháng; 72%/năm; Dưới mức truy cứu trách nhiệm hình sự). Sau đó, vào các ngày 20/9/2021, 07/10/2021, 21/10/2021 và ngày 06/11/2021, L đã chuyển khoản tiền lãi cho Tạ Quan T lần lượt số tiền là 540.000.000 đồng, 400.000.000 đồng, 194.000.000 đồng và 300.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền lãi từ L, Tạ Quan T đã chuyển khoản tiền lãi cho bà A với lãi suất 0,2%/ngày.

Đến giữa tháng 11/2021, L yêu cầu Tạ Quan T cho L gặp trực tiếp bà A để thỏa thuận xin giảm lãi suất vay xuống dưới mức 0,2%/ngày, nhưng bà A không đồng ý. Kể từ thời điểm này, L chỉ đóng được 45 ngày với số tiền lãi 495.000.000

đồng (lãi suất 02%/ngày), sau đó thì L không còn khả năng tiếp tục đóng lãi cũng như trả nợ gốc số tiền 5.500.000.000 đồng cho Tạ Quan T và bỏ trốn. Còn Tạ Quan T, sau khi L bỏ trốn thì Tạ Quan T cũng không trả lãi và nợ gốc số tiền 5.500.000.000 đồng cho bà A nên bà A đã làm đơn tố cáo gửi đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 07/11/2024, Tạ Quan T đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt giữ theo Lệnh bắt bị can để tạm giam.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Tạ Quan T đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của Tạ Quan T phù hợp với lời khai của bà A, ông L và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 400/CT-VKS-P2 ngày 17/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Tạ Quan T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày:

- Thời gian thực hiện hành vi cho vay lãi nặng ngắn (từ ngày 29/6/2021 cho đến ngày 02/8/2021, tổng cộng 35 ngày).

- Số tiền thu lợi bất chính không lớn, cụ thể: tiền lãi bị cáo thu vượt mức lãi suất quy định đối với số tiền vay gốc 5.500.000.000 đồng là 371.333.000 đồng, trả lãi cho bà A với số tiền 247.500.000 đồng, bị cáo còn giữ lại 123.833.000 đồng.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình như sau:

- + Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

- + Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

- + Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

- + Do ông L bỏ trốn, không trả tiền vay cho bị cáo, dẫn đến bị cáo không có tiền trả lại cho bà A nên bị cáo bị vướng vào vòng lao lý. Việc bị cáo bị đưa ra xét xử là lỗi của ông L; đồng thời, bà N chưa trả nợ cho bị cáo 2.500.000.000 đồng nên bị cáo không có khả năng trả tiền nợ vay cho bà A. Gia đình đã tự nguyện khắc phục một phần thiệt hại, nghĩa là ông L1 (ba của bị cáo) bồi thường cho bà A 01 (Một) tỷ đồng. Bà A xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo là con cả trong gia đình, lao động chính, cha mẹ già yếu, không có khả năng lao động (ông T1 59 tuổi, bà T2 56 tuổi).

Từ những trình bày ý kiến trên, luật sư Đ.T đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo với mức hình phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tóm tắt nội dung vụ án và trình bày lời luận tội, đánh giá về tính chất, mức độ và hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, tình tiết định khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng cũng như giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã khẳng định bản Cáo trạng truy tố để xét xử đối với bị cáo Tạ Quan T về tội danh, khung hình phạt và điều luật truy tố là có cơ sở pháp luật.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt: bị cáo Tạ Quan T từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Không phạt bổ sung bị cáo. Buộc bị cáo nộp lại số tiền lãi thực tế đã thu của ông L. Đối với số tiền gốc mà ông L còn nợ bị cáo thì buộc ông L nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Buộc bị cáo Tạ Quan T trả tiền còn nợ lại bà A. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 02 điện thoại di động của bị cáo và ông L.

Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và trong lời nói sau cùng bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều và tại phiên tòa, bị cáo Tạ Quan T không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan Tạ Quan T hành tố tụng, người Tạ Quan T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Tạ Quan T hành tố tụng, người Tạ Quan T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo Tạ Quan T tại phiên tòa cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định:

Bị cáo Tạ Quan T và ông L có mối quan hệ quen biết nhau từ năm 2020, cùng làm ngành ngân hàng nên khoảng cuối tháng 6/2021, L nói với Tạ Quan T cần vay tiền để cho khách hàng vay làm đảo hạn ngân hàng. Tạ Quan T và L thỏa thuận lãi suất 0,3%/ngày (09%/tháng và 108%/năm), thời hạn vay từ 05 ngày đến 10 ngày thì sẽ trả tiền lãi và tiền gốc, nếu không trả tiền gốc thì hai bên thỏa thuận với nhau tiếp tục đóng lãi suất. Bị cáo Tạ Quan T đã vay tiền và viết giấy nợ vay tiền nhiều lần từ bà A với lãi suất 0,2%/ngày (6%/tháng, 72%/năm) để cho ông L

vay lại với lãi suất 0,3%/ngày (9%/tháng, 108%/năm). Hình thức vay tiền bằng chuyển khoản như sau: bà A chuyển tiền gốc cho vay từ tài khoản ngân hàng tên bà sang tài khoản ngân hàng tên ông L số 190.xx.xxx mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam, tiền lãi thanh toán bằng cách tiền được chuyển từ tài khoản tên ông L sang tài khoản ngân hàng tên bị cáo số 099.xxx.xxx mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn và bị cáo chuyển tiền lãi trả cho bà A từ tài khoản ngân hàng tên bị cáo sang tài khoản ngân hàng tên bà A.

Trong khoảng thời gian từ 29/6/2021 đến ngày 02/8/2021, bị cáo Tạ Quan T cho ông L vay với lãi suất từ 108%/năm, vượt hơn gấp 05 lần so với mức lãi suất cao nhất là 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự; tổng số tiền bị cáo Tạ Quan T đã thu lợi bất chính là 377.666.663 đồng (lãi suất 88%/năm). Số tiền thu lợi bất chính nêu trên là căn cứ để định tội và định khung hình phạt đối với bị cáo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Hành vi trên của bị cáo Tạ Quan T đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, thuộc trường hợp “Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên”, là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử đối với bị cáo Tạ Quan T về tội danh, khung hình phạt và điều luật truy tố là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội; mức hình phạt đề nghị xử phạt đối với bị cáo là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước, cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của công dân và làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Xét tính chất mức độ phạm tội của Tạ Quan T cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật mới có tính răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

[3] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 thì bị cáo có thể bị phạt bổ sung một khoản tiền; tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, khó có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Gia đình bị cáo đã bồi thường 01(Một) tỷ đồng cho bà A nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo:

- Do không có tài liệu, chứng cứ chứng minh bị cáo là lao động chính trong gia đình nên bị cáo không đủ điều kiện được hưởng tình tiết giảm nhẹ này.

- Tại Mục I.3 Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tối cao về việc “Thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử” đã giải thích: Tình tiết “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án” được hiểu là trường hợp người phạm tội có những hành vi, lời khai thể hiện sự hợp tác tích cực với cơ quan có trách nhiệm trong việc nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án, giúp các cơ quan này phát hiện thêm tội phạm mới hoặc đồng phạm mới.” Bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối lỗi về việc mình đã gây ra chứ không phải bị cáo hợp tác tích cực với cơ quan có trách nhiệm trong việc nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án, giúp các cơ quan này phát hiện thêm tội phạm mới hoặc đồng phạm mới nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Việc bị cáo bị truy tố về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” đây là giao dịch vay tiền giữa bị cáo và ông L, bị cáo cho ông L vay với lãi suất hơn gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Việc ông L không trả hoặc đã trả số tiền vay gốc cho bị cáo không ảnh hưởng đến việc khởi tố, truy tố và xét xử của các cơ quan Tà Quan T hành tố tụng khi bị cáo đã có hành vi vi phạm cấu thành tội phạm. Do đó, cho rằng nguyên nhân bị cáo bị truy tố tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là do lỗi của ông L và người vay tiền khác (bà N) không trả cho bị cáo làm bị cáo mất khả năng trả nợ cho bà A là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không xem xét đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Những lập luận nêu trên cũng là căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cho bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như hình phạt đề nghị dành cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với số tiền bị cáo dùng để cho vay:

+ Quá trình điều tra xác định ông L chưa trả tiền nợ gốc cho bị cáo Tạ Quan T với số tiền 5.500.000.000 (Năm tỷ năm trăm triệu) đồng. Xét thấy số tiền này bị cáo dùng để cho vay, là công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần buộc ông L này nộp lại số tiền nêu trên để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền lãi phát sinh tương ứng với mức lãi suất 20%/năm: Quá trình cho vay lãi nặng, bị cáo đã thu tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm của ông L là 85.833.337 (tám mươi lăm triệu tám trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi bảy) đồng.

Đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có, nên buộc bị cáo nộp lại số tiền này để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền lãi phát sinh vượt quá mức lãi suất 20%/năm:

Quá trình cho vay lãi nặng, bị cáo đã thu tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 377.666.663 (Ba trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi ba) đồng. Đây là tiền mà bị cáo chiếm đoạt trái pháp luật đối với người vay, nên buộc bị cáo phải trả lại cho những người vay.

Tuy nhiên, ông L không yêu cầu nhận lại tiền mà bị cáo Tạ Quan T thu lãi vượt quá mức quy định, cam đoan không thắc mắc, không khiếu nại gì. Hội đồng xét xử xét thấy tuy ông L không yêu cầu nhận lại số tiền này, nhưng đây là tiền do phạm tội mà có nên buộc bị cáo nộp lại số tiền này để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Bà A yêu cầu bị cáo Tạ Quan T trả cho bà A số tiền 2.600.000.000 (Hai tỷ sáu trăm triệu) đồng trong vòng 5 tháng, mỗi tháng trả vào ngày 15 tây, bắt đầu từ ngày 15/8/2025, mỗi lần trả 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng cho đến ngày 15/12/2025 trả 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng. Bị cáo thừa nhận nợ và đồng ý thanh toán với phương thức bà A yêu cầu.

Đối với số tiền 01 (một) tỷ đồng mà ông L1 đã bồi thường cho bà A, ông không yêu cầu bị cáo trả lại cho ông, ông cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng của vụ án: 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 Pro Max, màu đen, số Imei: 353899105104689 của bị cáo Tạ Quan T và 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Pro Max, màu xanh, Imei: 351572591160026 của ông L; cả 02 (hai) điện thoại không kiểm tra được đời máy, tình trạng máy do không có nguồn điện. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo dùng làm công cụ phạm tội, điện thoại của ông L có liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo Tạ Quan T 10 (mười) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/11/2024.

[2] Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 Pro Max, màu đen, số Imei: 353899105104689 của bị cáo Tạ Quan T và 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Pro Max, màu xanh, Imei: 351572591160026 của ông L.

(Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2025/513 ngày 21/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

- Buộc bị cáo nộp lại các khoản tiền sau để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước:

+ Tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, tổng cộng là: là 85.833.337 (tám mươi lăm triệu tám trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi bảy) đồng;

+ Tiền thu lợi bất chính (vượt mức lãi suất 20%/năm) là 377.666.663 (Ba trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi ba) đồng;

Tổng cộng số tiền bị cáo phải nộp lại là 463.500.000 (Bốn trăm sáu mươi ba triệu năm trăm ngàn) đồng.

- Buộc ông L nộp lại số tiền 5.500.000.000 (Năm tỷ năm trăm triệu) đồng để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Luật Thi hành án dân sự năm 2014.

Buộc bị cáo trả cho bà A số tiền 2.600.000.000 (Hai tỷ sáu trăm triệu) đồng trong vòng 5 tháng, mỗi tháng trả vào ngày 15 tây, bắt đầu từ ngày 15/8/2025, mỗi lần trả 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng cho đến ngày 15/12/2025 trả 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà A cho đến khi thi hành án xong, bị cáo Tạ Quan T chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3] Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo phải nộp 84.000.000 (Tám mươi bốn triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà A, ông L1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông L vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Sở Tư pháp TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Bộ phận THA HS TANDTPHCM;
- Phòng PV 06 – Công an TPHCM;
- Thi hành án dân sự TPHCM;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Phương